TÒA ÁN NHÂN DÂN **TỈNH HÒA BÌNH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 12/2023/HNGĐ-ST
Ngày: 28-7-2023
V/v Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH HÒA BÌNH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn.

Các Hội thẩm nhân dân Bà Nguyễn Thị Nhung.

Ông Quách Minh Nhiên.

- Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thương - Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Hòa Bình *tham gia phiên tòa*: Bà Nguyễn Thị Kim Dung - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 7 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 10/2023/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 4 năm 2023 về việc "Ly hôn". Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 13/2023/QĐXX-ST ngày 04 tháng 7 năm 2023 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Bùi Thị Tr, sinh năm 1997.

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.

Nơi ở hiện nay: Số 5, ngõ 136, khu 2, đường Tr, quận Đ, thành phố Đ, Đài Loan (Trung Quốc). “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

Người được nguyên đơn ủy quyền giao nhận văn bản tố tụng: Chị Vũ Thị Ch, sinh năm 2000; nơi cư trú: Số 32 đường Đ, phường Tr, quận C, thành phố H.

2. Bị đơn: Anh Bùi Văn Ch, sinh năm 1984.

Trú tại: Xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình. “có mặt”.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam (Agribank) - Chi nhánh huyện C, tỉnh Hòa Bình. “có đơn đề nghị xét xử vắng mặt”.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn đề ngày 16/3/2023, bản tự khai nguyên đơn chị Bùi Thị Tr trình bày:

Chị Bùi Thị Tr và anh Bùi Văn Ch chung sống vợ chồng từ năm 2015 có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình vào ngày 22/6/2015. Trong quá trình chung sống vợ chồng đã có hai con chung, ngày 22/7/2019 chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, đến tháng 10/2019 thì hai vợ chồng phát sinh mâu thuẫn.

Nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, khác nhau về tính cách, lối sống, nên thường xuyên cãi nhau. Mặc dù đã nhiều lần vợ chồng nói chuyện mong hàn gắn nhưng mâu thuẫn vẫn không được giải quyết. Đến nay hai vợ chồng không còn quan tâm đến nhau nữa, nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Bùi Văn Ch.

Về con chung: Có 02 con là Bùi Ngọc C, sinh ngày 23/8/2015 và Bùi Đức T, sinh ngày 06/12/2017. Hiện hai con đang ở với anh Bùi Văn Ch. Sau khi ly hôn chị đồng ý để anh Ch là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cả hai con, hàng tháng chị sẽ cấp dưỡng cho con với mức là 1.000.000đ/tháng/con cho đến khi các con đủ 18 tuổi. Nếu anh Ch không đồng ý, chị đề nghị được trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng con Bùi Đức T và không đề nghị anh Ch cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung, công nợ chung: Hai vợ chồng tự thỏa thuận, không đề nghị Tòa án giải quyết.

Bị đơn anh Bùi Văn Ch trình bày: Anh và chị Bùi Thị Tr kết hôn ngày 22/6/2015 trên cơ sở tự nguyện, sau kết hôn vợ chồng sống cùng gia đình nhà chồng tại xóm L, xã T, năm 2019 chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan, anh Ch ở nhà nuôi hai con nhỏ, đến năm 2021 thì chị Tr có thông tin là không về Việt Nam, vợ chồng không sống cùng nhau nữa. Nay chị Tr xin ly hôn với những lý do trên anh Ch chưa đồng ý, đề nghị Tòa án xem xét.

Về con chung: Có 02 con chung là Bùi Ngọc C, sinh ngày 23/8/2015 và Bùi Đức T, sinh ngày 06/12/2017. Hiện hai con đang ở với anh. Sau khi ly hôn, chị Tr ý kiến được cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.000.000đ/ tháng/mỗi con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi, anh đồng ý về việc nuôi con và đề nghị chị Tr cấp dưỡng nuôi con hàng tháng số tiền 1.500.000đ/tháng/con cho đến khi hai con đủ 18 tuổi.

Về tài sản: Vợ chồng không có tài sản chung. Hiện tại anh đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 292425-9-c (tờ 35) địa chỉ xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình diện tích 965,7m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/12/2017. Nguồn gốc thửa đất là của bố mẹ anh Ch, chị Tr không có công sức, đóng góp gì, anh Ch đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện C.

Về khoản vay nợ: Nợ chung không có. Anh Ch vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh C theo hợp đồng tín dụng số 3010LAV202201867 ngày 22/9/2022. Đây là khoản nợ riêng của anh, không liên quan đến chị Tr, anh sẽ có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng.

Tại biên bản lấy lời khai ngày 05/7/2023 và Văn bản số 95/NHNoHB.CP-KTNQ ngày 06/6/2023 của Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện C trình bày: Anh Ch có vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng theo hợp đồng tín dụng số 3010LAV202201867 ngày 20/9/2022 thế chấp GCNQSDĐ số CI 324533, diện tích 965,7m^2 mang tên ông Bùi Văn Ch. Ý kiến của Ngân hàng là anh Ch là đại diện hộ gia đình trong việc vay vốn phải có nghĩa vụ, trách nhiệm trả nợ vay theo đúng thời hạn đã ký trong hợp đồng.

Tại biên bản xác minh ngày 15/6/2023 tại gia đình bà Bùi Thị Kh (mẹ đẻ chị Tr), bà Kh trình bày: Chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về Việt Nam. Chị Tr có thỉnh thoảng gọi điện về, bà có được chị Tr nói về việc chị muốn ly hôn với anh Ch. Bà và gia đình cũng đã nhiều lần khuyên bảo các con nhưng không được.

Phát biểu của Kiểm sát viên tại phiên tòa:

Về tố tụng: Quá trình kiểm sát việc giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình đã thực hiện đúng những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự, kể từ khi thụ lý vụ án đến nay. Việc tuân theo pháp luật tố tụng của Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng và đầy đủ những quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa dân sự sơ thẩm. Việc chấp hành pháp luật của những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của pháp luật về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Về nội dung: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận nội dung khởi kiện của chị Bùi Thị Tr:

1. Chị Bùi Thị Tr được ly hôn với anh Bùi Văn Ch.

2. Giao quyền nuôi con là cháu Bùi Ngọc C, sinh ngày 23/8/2015 và cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/12/2017 cho anh Bùi Văn Ch để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi đủ 18 tuổi. Chị Tr phải đóng góp, cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.500.000đ/1 tháng/ một con cho đến khi các con đủ 18 tuổi.

3. Về tài sản chung, công nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết. Anh Ch nhận trách nhiệm trả khoản vay 100.000.000 đồng tại Ngân hàng Nông nghiệp và phát triển nông thôn Chi nhánh huyện C theo hợp đồng tín dụng số 3010LAV202201867 ngày 22/9/2022.

Căn cứ các chứng cứ, tài liệu đã được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ kết quả tranh luận, trên cơ sở xem xét đầy đủ toàn diện chứng cứ, ý kiến của các bên đương sự, ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng:

Quan hệ pháp luật tranh chấp, thẩm quyền giải quyết vụ án: Nguyên đơn xin ly hôn, có địa chỉ tại huyện C, tỉnh Hòa Bình và đang đi xuất khẩu lao động nước ngoài tại Đài Loan (Trung Quốc). Quan hệ pháp luật tranh chấp "Ly hôn" thuộc trường hợp quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn có hộ khẩu thường trú tại xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình, căn cứ điểm a khoản 1 Điều 37, khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân tỉnh Hòa Bình, thụ lý giải quyết vụ án là đúng thẩm quyền.

Chị Bùi Thị Tr là nguyên đơn trong vụ kiện, quá trình giải quyết vụ án, chị Tr không có mặt tại Tòa án (đã có đơn đề nghị giải quyết, xét xử vắng mặt), Ngân hàng cũng có ý kiến đề nghị xét xử vắng mặt. Do vậy, căn cứ vào Điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt đương sự theo quy định.

[2] Về nội dung vụ kiện:

Quan hệ hôn nhân: Chị Bùi Thị Tr và anh Bùi Văn Ch chung sống vợ chồng, có đăng ký kết hôn tại UBND xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình ngày 22/6/2015, vợ chồng đã có hai con chung. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn với nhiều lý do khác nhau kể từ khi chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan cho đến nay.

Theo biên bản xác minh, bà Kh là mẹ đẻ của chị Tr cũng có ý kiến: Chị Tr đi xuất khẩu lao động tại Đài Loan từ năm 2019 đến nay chưa về Việt Nam, gia đình có biết việc chị Tr muốn ly hôn với anh Ch, đã nhiều lần có ý kiến để các con suy nghĩ lại nhưng không được, về con cái hiện tại đang được anh Ch nuôi dưỡng tại gia đình, sức khỏe, học tập của các con đảm bảo.

Xét thấy tình trạng hôn nhân giữa chị Tr và anh Ch đã có nhiều mâu thuẫn, vụ án không tiến hành hoà giải được, thực tế giữa chị Tr và anh Ch không còn sự thương yêu, qúy trọng, giúp đỡ nhau, không ai quan tâm chăm sóc cho nhau, đời sống chung của vợ chồng không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, do vậy cơ sở để vợ chồng đoàn tụ như ý kiến của anh Ch là không thể thực hiện được, cần chấp nhận việc yêu cầu ly hôn của chị Tr là có căn cứ, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nuôi con: Vợ chồng có 02 con chung là cháu Bùi Ngọc C, sinh ngày 23/8/2015 và cháu Bùi Đức T, sinh ngày 06/12/2017, hiện hai cháu đang ở với anh Ch. Trên cơ sở quy định tại Điều 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình và Nghị quyết số 02/2000/HĐTP ngày 23/12/2000 của Hội đồng Thẩm phán Toà án nhân dân tối cao. Căn cứ vào quyền lợi mọi mặt của con, đặc biệt là các điều kiện cho sự phát triển về thể chất, bảo đảm việc học hành và điều kiện cho

sự phát triển tốt về tinh thần trên cơ sở điều kiện hoàn cảnh của mỗi bên, hiện tại anh Ch và con đang cư trú ổn định tại xã T, huyện C, có xác nhận của UBND xã T. Xét thấy cần quyết định giao hai cho anh Ch để trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn là phù hợp với ý kiến của chị Tr và anh Ch, nguyện vọng của con, có căn cứ pháp luật.

Về việc cấp dưỡng nuôi con: Theo quy định tại Điều 116 của Luật Hôn nhân và gia đình thì mức cấp dưỡng do người có nghĩa vụ cấp dưỡng và người được cấp dưỡng hoặc người giám hộ của người đó thỏa thuận căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng và nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng; nếu không thỏa thuận được thì yêu cầu Tòa án giải quyết. Chị Tr ý kiến mức cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.000.000đ/tháng, anh Ch đề nghị chị Tr cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.500.000đ/tháng.

Xét thấy, anh Ch là người nuôi con sau ly hôn, nghề nghiệp lao động tự do, căn cứ vào việc cấp dưỡng phải đáp ứng nhu cầu thiết yếu của người được cấp dưỡng (bao gồm các chi phí thông thường cần thiết về ăn, ở, mặc, học, khám chữa bệnh và các chi phí thông thường cần thiết khác để bảo đảm cuộc sống của người được cấp dưỡng) và căn cứ vào thu nhập, khả năng thực tế của người có nghĩa vụ cấp dưỡng để buộc chị Tr phải cấp dưỡng nuôi mỗi con số tiền 1.500.000đ trên một tháng như ý kiến của anh Ch là có căn cứ đúng pháp luật.

Theo khoản 1 Điều 482 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì bản án, quyết định về cấp dưỡng của Tòa án cấp sơ thẩm thuộc diện phải được thi hành ngay mặc dù có thể bị kháng cáo, khiếu nại, kháng nghị, kiến nghị. Vì vậy, để đảm bảo quyền và lợi ích hợp pháp của con cần xác định thời điểm cấp dưỡng nuôi con được tính kể từ ngày 01/8/2023.

Về tài sản: Anh Ch đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 292425-9-c (tờ 35) địa chỉ xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình diện tích 965,7m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/12/2017, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Anh Ch đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện C.

Về khoản vay nợ: Anh Ch vay số tiền 100.000.000 đồng tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện C theo hợp đồng tín dụng số 3010LAV202201867 ngày 22/9/2022. Đây là khoản nợ riêng của anh, không liên quan đến chị Tr, anh Ch sẽ có trách nhiệm trả số tiền này cho Ngân hàng. Nợ chung không có.

[3] Về án phí: Chị Bùi Thị Tr phải chịu án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm và án phí cấp dưỡng nuôi con theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 37, Điều 39, khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự. Điều 51, 56, 81, 82, 83, 84, 127 của Luật Hôn nhân và gia đình. Điểm a khoản 5, điểm b khoản 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Bùi Thị Tr được ly hôn với anh Bùi Văn Ch.

2. Giao quyền nuôi con Bùi Ngọc C, sinh ngày 23/8/2015 và Bùi Đức T, sinh ngày 06/12/2017 cho anh Bùi Văn Ch trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau ly hôn đến khi con đủ 18 tuổi.

Chị Bùi Thị Tr có nghĩa vụ đóng góp cấp dưỡng nuôi con (Bùi Ngọc C và Bùi Đức T) số tiền mỗi con là 1.500.000đ (một triệu năm trăm nghìn đồng) trên một tháng, thời điểm đóng góp kể từ tháng 8 năm 2023 đến khi con đủ 18 tuổi.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Vì lợi ích của con, khi cần thiết có thể thay đổi việc cấp dưỡng nuôi con hoặc người trực tiếp nuôi con. Chị Bùi Thị Tr có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản: Anh Ch đứng tên trong giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa số 19, tờ bản đồ số 292425-9-c (tờ 35), địa chỉ: xóm L, xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình diện tích 965,7m^2 do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh Hòa Bình cấp ngày 26/12/2017, nguồn gốc sử dụng: Nhận thừa kế đất được công nhận QSDĐ như giao đất có thu tiền sử dụng đất. Anh Ch đang thế chấp để vay tiền tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện C.

Về khoản vay nợ: Anh Ch nhận trách nhiệm trả khoản vay 100.000.000đ (một trăm triệu đồng) tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh huyện C theo hợp đồng tín dụng số 3010LAV202201867 ngày 22/9/2022.

Về án phí: Chị Bùi Thị Tr phải chịu 300.000đ án phí ly hôn sơ thẩm và 300.000đ tiền án phí cấp dưỡng. Được đối trừ 300.000đ tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0001048 ngày 21/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Hòa Bình. Chị Tr còn phải nộp 300.000đ (ba trăm nghìn đồng).

Trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt được quyền kháng cáo; đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết.

Trong trường hợp quyết định được thi hành án theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND CC tại Hà Nội;
- VKSND tỉnh Hòa Bình;
- Cục THADS tỉnh Hòa Bình;
- Sở Tư pháp tỉnh Hòa Bình;
- Các đương sự;
- UBND xã T, huyện C, tỉnh Hòa Bình.
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Nguyễn Quang Tuấn